

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11 - TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 234/2025/DS-ST

Ngày: 21-11-2025

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Quốc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Văn Hữu;

Bà Nguyễn Thị Tuyết Lan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Quốc Việt – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 264/2025/TLST-DS, ngày 20 tháng 5 năm 2025 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 257/2025/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Phương L, sinh năm 1997; nơi cư trú: Tổ A, ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh (có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1972; nơi cư trú: Tổ A, ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15 tháng 4 năm 2025 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Nguyễn Phương L trình bày:

Chị với chị Trần Thị T là chỗ quen biết trong công việc làm chung. Vào ngày 08/3/2024, chị có cho chị Trần Thị T vay số tiền 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng, mục đích vay để mua vườn cây cao su cạo lấy mủ, không tính lãi suất, không yêu cầu thế chấp tài sản, thời hạn trả nợ thì chị T hứa bán mủ cao su cho chị trừ nợ dần cho đến khi hết mùa vụ cạo mủ trong năm nếu còn nợ thì sẽ

tiếp tục trả hết số tiền còn lại cho chị.

Tuy nhiên, từ ngày nhận tiền đến ngày 08/5/2024 chị T ngưng bán mủ cho chị nhưng không trả tiền cho chị như đã hứa. Từ tháng 3/2024 đến ngày 08/5/2024 chị T có bán mủ cao su cho chị được 02 lần và ngày 13/5/2024 tính được số tiền 2.000.000 đồng, ngày 22/5/2024 tính được số tiền 3.000.000 đồng, tổng cộng 5.000.000 đồng, nhưng không trả nữa, chị có đến gặp chị T nhiều lần yêu cầu chị T trả số tiền còn lại nhưng chị T hứa hẹn và nói số tiền đã trả 5.000.000 đồng nêu trên coi như chị T trả tiền lãi suất cho chị để trả lãi Ngân hàng và đến tháng 02/2025 chị T hứa mỗi tháng trả cho chị số tiền nợ gốc 5.000.000 đồng nhưng vẫn không trả cho chị số tiền nào.

Do chị T không trả số tiền còn lại nên ngày 15/4/2025 chị nộp đơn khởi kiện chị T đến Tòa án thì con chị T (tên T1 không biết rõ nhân thân, địa chỉ) có chuyển vào tài khoản của chị trả thêm số tiền 5.000.000 đồng (vào thời gian nào không nhớ) và cho đến nay không trả thêm số tiền nào khác.

Tại đơn khởi kiện chị yêu cầu chị T trả số tiền 80.000.000 đồng, nay chị xin rút lại một phần yêu cầu, chỉ yêu cầu chị T trả lại số tiền vay gốc 75.000.000 đồng và tiền lãi suất theo quy định của pháp luật từ tháng 06/2024, sau đó trừ số tiền 5.000.000 đồng chị T đã trả tiền lãi trước đây (giao giao mủ cao su).

Chị Trần Thị T đã được Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến đối với yêu cầu của chị L.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ theo trình tự thủ tục, thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện các thủ tục đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, không xảy ra vi phạm về tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Chị Nguyễn Phương L là nguyên đơn trong vụ án có đơn xin vắng mặt; chị Trần Thị T là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt chị L, chị T là phù hợp theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào lời khai của đương sự và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được Thẩm phán công khai khi giải quyết vụ án thì yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Phương L là có cơ sở chấp nhận một phần. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; các Điều 147, 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, xử theo hướng:

+ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Phương L đối với chị Trần Thị T về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Buộc chị Trần Thị T có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Phương L số tiền vay gốc 70.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 15/4/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm, theo mức lãi 0,83%/tháng.

+ Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Phương L yêu cầu chị Trần Thị T phải trả thêm số tiền vay gốc 5.000.000 đồng và tiền lãi suất từ tháng 06/2024 đến ngày 14/4/2025 (10 tháng 14 ngày) của số tiền gốc 75.000.000 đồng = 6.515.500 đồng và số tiền lãi suất từ ngày 15/4/2025 đến ngày xét xử (ngày 21/11/2025) là 07 tháng 06 ngày của số tiền 5.000.000 đồng = 299.000 đồng.

+ Ghi nhận chị Nguyễn Phương L thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, không tiếp tục yêu cầu chị Trần Thị T trả số tiền 5.000.000 đồng.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Phương L và chị Trần Thị T phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Phương L là nguyên đơn trong vụ án có đơn xin vắng mặt; chị Trần Thị T là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị L, chị T.

[2] Về nội dung tranh chấp: Xét thấy, chị Nguyễn Phương L khởi kiện yêu cầu chị Trần Thị T có nghĩa vụ trả lại số tiền vay gốc 75.000.000 đồng và tiền lãi từ tháng 6/2024 đến khi giải quyết xong vụ án theo quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Trần Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến đối với yêu cầu của chị L.

Xét yêu cầu khởi kiện của chị L, Hội đồng xét xử nhận định: Khi khởi kiện chị L cung cấp chứng cứ, chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là 01 Giấy nhận nợ, đề ngày 08/3/2024, có nội dung “*Hôm nay ngày 08/3/2024 tôi Trần Thị T, sinh năm 1972 có mượn của Nguyễn Phương L số tiền 80.000.000 đồng...*”, tại bút lục từ số 35. Chứng cứ này đã được Tòa án mở phiên họp công khai và thông báo cho chị T biết nhưng chị T không có ý kiến nên căn cứ các Điều 91, 92, 93 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định đây là nguồn chứng cứ hợp pháp dùng để giải quyết vụ án.

[3] Xét chứng cứ là giấy vay tiền do chị L cung cấp thấy rằng, giữa chị Nguyễn Phương L và chị Trần Thị T có giao kết hợp đồng vay tiền với nhau, khi giao kết hai bên tự nguyện, có lập hợp đồng, nội dung hợp đồng các bên thỏa thuận tài sản vay là số tiền 80.000.000 đồng. Theo giấy vay tiền thì hai bên không

có thỏa thuận thời hạn trả nợ, không thỏa thuận lãi suất nên việc thỏa thuận giữa các bên là phù hợp với quy định tại các Điều 463, 469 của Bộ luật Dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án chị T không có ý kiến đối với yêu cầu của chị L, nhưng chị L thừa nhận ngày 13/5/2024 chị T trả được số tiền 2.000.000 đồng, ngày 22/5/2024 chị T trả thêm số tiền 3.000.000 đồng và sau đó con của chị T (tên T1) chuyển khoản trả thêm số tiền 5.000.000 đồng, trong tổng số tiền 10.000.000 đồng chị T đã trả nêu trên, chị L cho rằng số tiền 5.000.000 đồng mà chị T trả vào ngày 13/5/2024 và ngày 22/5/2024 là tiền lãi nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Do đó có căn cứ xác định chị T đã trả cho chị L được 10.000.000 đồng tiền nợ gốc, chỉ còn nợ lại số tiền 70.000.000 đồng nên chị L khởi kiện yêu cầu chị T trả số tiền vay gốc 75.000.000 đồng là chưa phù hợp với các chứng cứ do chị cung cấp.

[4] Xét yêu cầu tính tiền lãi của chị Nguyễn Phương L thấy rằng: Theo giấy nhận nợ, đề ngày 08/3/2024, không có ghi thời hạn trả nợ, không có thỏa thuận việc trả tiền lãi. Trong quá trình giải quyết vụ án chị L yêu cầu tính tiền lãi từ tháng 06/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm, theo mức lãi suất quy định của pháp luật là chưa có căn cứ, vì theo quy định tại Điều 469 của Bộ luật Dân sự quy định *“Hợp đồng vay không kỳ hạn, không có lãi...thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản bất cứ lúc nào, nhưng phải báo trước cho nhau một thời gian hợp lý...”*, tuy nhiên chị L không chứng minh được thời gian thông báo trước yêu cầu chị T trả lại tài sản nên chỉ có quyền yêu cầu tính tiền lãi từ ngày nộp đơn khởi kiện là ngày 15/4/2025 cho đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 21/11/2025) là 07 tháng 06 ngày, theo mức lãi 0,83%/tháng, như vậy tiền lãi được tính như sau: 70.000.000 đồng X 0,83%/tháng X 07 tháng, 06 ngày = 4.183.000 đồng

[5] Xét thấy, chị Nguyễn Phương L thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, không tiếp tục yêu cầu chị Trần Thị T trả số tiền 5.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Từ những nhận định trên, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Phương L đối với chị Trần Thị T về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Buộc chị Trần Thị T có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Phương L số tiền vay gốc 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng và tiền lãi 4.183.000 đồng. Tổng cộng 74.183.000 đồng.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Phương L yêu cầu chị Trần Thị T có nghĩa vụ trả số tiền vay gốc 5.000.000 (năm triệu) đồng và tiền lãi suất từ tháng 06/2024 đến ngày 14/4/2025 (10 tháng 14 ngày) của số tiền gốc 75.000.000 đồng = 6.515.500 đồng và số tiền lãi suất từ ngày 15/4/2025 đến ngày xét xử (ngày 21/11/2025) là 07 tháng 06 ngày của số tiền 5.000.000 đồng = 299.000 đồng.

Ghi nhận chị Nguyễn Phương L thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, không tiếp tục yêu cầu chị Trần Thị T trả số tiền 5.000.000 đồng.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Phương L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền không được Tòa án chấp nhận và chị Trần Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền được Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 469 của Bộ luật Dân sự; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Phương L đối với chị Trần Thị T về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Buộc chị Trần Thị T có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Phương L số tiền vay gốc 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng và tiền lãi 4.183.000 đồng. Tổng cộng 74.183.000 (bảy mươi bốn triệu, một trăm tám mươi ba nghìn) đồng.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Phương L yêu cầu chị Trần Thị T có nghĩa vụ trả số tiền vay gốc 5.000.000 (năm triệu) đồng và tiền lãi suất từ tháng 06/2024 đến ngày 14/4/2025 (10 tháng 14 ngày) của số tiền gốc 75.000.000 đồng = 6.515.500 đồng và số tiền lãi suất từ ngày 15/4/2025 đến ngày xét xử (ngày 21/11/2025) là 07 tháng 06 ngày của số tiền 5.000.000 đồng = 299.000 đồng.

Ghi nhận chị Nguyễn Phương L thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, không tiếp tục yêu cầu chị Trần Thị T trả số tiền 5.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị T phải chịu 3.709.000 (ba triệu, bảy trăm lẻ chín nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Nguyễn Phương L phải chịu 591.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 2.000.000 (hai triệu) đồng theo biên lai thu số **0003473** ngày 20 tháng 5 năm 2025 của Chi

cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Chi Lan được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 1.409.000 đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Phương L, chị Trần Thị T có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 11 - Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Quốc